TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45.**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2023
"*Về ly hôn và tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hồ Thị Hoa
- Bà Phạm Thị Việt Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Mãi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: …./2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ngọc Hiển, xã Vân Khánh Đông, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

2.Bị đơn: Anh Phạm Văn Nh, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ngọc Hòa, xã Đông Hưng A,huyện An Minh- Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 07/03/2023 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị G trình bày và yêu cầu như sau:***

Chị G và anh Nh kết hôn với nhau năm 2015, tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng không được bao lâu phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng sống không hợp với nhau, nguyên nhân chính là anh Nh cho rằng mẹ chị G khó khăn nên anh không sống chung nhà được, anh Nh không chung sống với chị G đi từ năm 2021 cho đến nay, chị cố gắng kéo dài thời gian để duy trì tình cảm nhưng

không mang lại hiệu quả. Nên chị G quyết định làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nh.

- Về con chung: Chị G xác định chị và anh Nh có 02 đứa con chung đặt tên Phạm Chí Ng, sinh ngày 29/9/2015 và phạm Thị Ánh Nh, sinh ngày 08/6/2018 hiện nay chị G trực tiếp nuôi các con. Khi ly hôn chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con, chị G không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị G.

Về tài sản và nợ: chị G xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

***** Bị đơn anh Phạm Văn Nh nhận được thông báo thụ lý vụ án, anh có ý kiến trình bày: Về hôn nhân anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G; Về con chung anh Nh xác định có 02 đứa con chung tên Phạm Chí Ng, sinh năm 1015 và Phạm Thị Ánh Nh, sinh năm 2018. Khi ly hôn anh Nh đồng ý giao 02 đứa con cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con cùng chị G; Về tài sản và nợ anh Nh xác định không và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh Phạm Văn Nh.

**** Tại phiên tòa*:**

Nguyên đơn chị chị Nguyễn Thị G và anh Phạm Văn Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Kiểm sát viên phát biểu*:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định chị G và anh Nh kết hôn với nhau năm 2015, trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nh; Xét thấy, hôn nhân giữa chị G và anh anh Nh đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị G, cho chị G được ly hôn với anh Phạm Văn Nh theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Về con chung: Chị G và anh Nh có ý kiến xác định có 02 đứa con chung đặt tên Phạm Chí Ng, sinh ngày 29/9/2015 và phạm Thị Ánh Nh, sinh ngày 08/6/2018. Hiện nay thì chị G trực tiếp nuôi. Chị G yêu cầu được tục nuôi dưỡng, cháu Ng có nguyện vọng được sống với chị G, xét thấy yêu cầu của chị G nêu ra là phù hợp quy định tại Điều 81và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng nên đề nghị HĐXX chấp nhận ý

kiến của chị G giao cháu Ng và cháu Ánh Nh cho chị G nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị G không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

-Về tài sản và nợ: Chị G xác định không tranh chấp. Nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tung*: Sau khi thụ lý vụ án thì anh Nh và chị G có đề nghị Tòa án cho anh chị vắng mặt trong các phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên được xác định là những vụ án dân sự không tiền hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, cả hai đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương.

[2]. X*ét về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Nh kết hôn với nhau năm 2015, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn chị G khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Nh, xét thấy: hôn nhân giữa chị G và anh Nh xác lập năm 2015 có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, việc đăng ký kết hôn phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị G đối với anh Nh thấy rằng*; Tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh Nh đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng mà không quan tâm nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, mỗi người có cuộc sống riêng mà không tự hòa giải để vợ chồng sống hạnh phúc nên chị G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nh, xét thấy hôn nhân giữa chị G và anh Nh thật sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G và ý kiến của kiểm sát viên cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Phạm Văn Nh theo quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3]. *Về con chung*: Chị G xác định chị và anh Nh có 02 đứa con chung, khi ly hôn chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con là Phạm Chí Ng, sinh ngày 29/9/2015 và Phạm Thị Ánh Nh, sinh ngày 08/6/2018. Hiện nay 02 cháu đang sống với chị G, xét thấy yêu cầu của chị G nêu ra là phù hợp quy định tại Điều 81và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị G và ý kiến của Kiểm sát viên, giao cháu Ng và cháu Ánh Nh cho chị G được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị G không yêu cầu nên không xem xét.

[5].*Về tài sản*; *về nợ:* Chị G xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6**]** *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Phạm Văn Nh.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Phạm Chí Ng sinh ngày 29/9/2015 và Phạm Thị Ánh Nh, sinh ngày 08/6/2018 cho chị Nguyễn Thị G được trực tiếp nuôi dưỡng (hiện nay Chí Ng và Ánh Nh đang sống với chị G)

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị G không yêu cầu nên không xem xét.

[4].*Về tài sản*; *về nợ:* Chị G xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5].*Về án phí sơ thẩm:* 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), án phí ly hôn. Buộc chị Nguyễn Thị G phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai số 0001207 ngày 07 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị G đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

[5].*Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản chính của bản án nay tống đât hợp lệ theo thủ tục tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi;

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Hưng A;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Lưu HS vụ án, VP.

Lê Mỹ Huê